TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **538**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2019
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Vĩnh Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Minh Ngọc
2. Ông Trần Văn Sượn

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Phan Thủy Uyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên toà:*** Bà Lý Nguyễn Huyền Trang – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 459/2019/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2019/QĐXXST - DS ngày 11 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị H, sinh năm 1986; Địa chỉ: tổ 20 ấp V, xã Y, huyện Z, tỉnh Đồng Tháp;

2. *Bị đơn:* Anh T, sinh năm 1977; Địa chỉ: ấp P, xã K, huyện X, tỉnh Tiền Giang

Chị H và anh T có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 13 tháng 8 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh T cưới nhau vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn vào năm 2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do có sự bất hòa, tính tình không còn phù hợp, cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị và anh T đã ly thân từ cuối năm 2004 cho đến nay. Nay chị thấy vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh T

- Về con chung: Có một con chung tên P, sinh ngày 06/8/2004. Hiện con đang sống cùng với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian chung sống và có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H tự bỏ về nhà mẹ của chị H sinh sống, anh có đến để rước chị H về nhưng chị H không đồng ý và phía gia đình chị H cũng không đồng ý cho anh đến nhà. Anh và chị H đã ly thân từ cuối năm 2004 đến nay. Nay chị H yêu cầu ly hôn anh không đồng ý và xin đoàn tụ.

- Về con chung: Có một con chung tên P, sinh ngày 06/8/2004. Hiện con đang sống cùng với chị H. Khi ly hôn, anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu quan điểm

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị H có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị H và anh T cưới nhau vào năm 2003, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện X vào năm 2004 là phù hợp với Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H khai là do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T thường xuyên nhậu nhẹt không chăm lo đời sống gia đình và còn đánh chị. Còn theo anh T khai là do chị H tự bỏ về nhà mẹ của chị H sinh sống, anh T có đến để rước chị H về nhưng chị H không đồng ý.

Tại phiên tòa hôm nay chị H vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh T. Phía anh T không đồng ý ly hôn xin được đoàn tụ. Xét thấy chị H và anh T đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn từ năm 2004 cho đến nay mà không giải quyết được. Anh T không đồng ý ly hôn, xin đoàn tụ nhưng anh không nêu được biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình vợ chồng trong khi cả hai đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2004. Hội đồng xét xử xét thấy đời sống hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị H và anh T đã không còn sống chung với nhau nên vợ chồng không có khả năng để hàn gắn được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H và quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát, cho chị H ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh T có một con chung tên P, sinh ngày 06/8/2004. Chị H và anh T đều có yêu cầu trực tiếp nuôi con. Xét thấy, hiện tại cháu P đang sống cùng với chị H. Để tránh xáo trộn trong cuộc sống của cháu ảnh hưởng đến việc học tập, sinh hoạt cũng như nguyện vọng của cháu muốn được trực tiếp sống cùng với chị H, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu P, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H và quan điểm điểm của đại diện Viện Kiểm sát, giao cháu P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Vì lợi ích của con, chị H có quyền yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con bằng một vụ án khác.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 56; Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị H và anh T

2. Về nuôi con chung: Giao con chung P, sinh ngày 06/8/2004 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị H phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 2893 ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện X.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS;
- Lưu.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Vĩnh Lộc